

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Trần Bảo Tín	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025,
Ông Nguyễn Công Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Nguyễn Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Thành viên HĐQT	
Ông Phạm Quỳnh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Đoàn Linh Hương	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Nguyễn Thị Hữu	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Hoàng	Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 15/10/2025
Bà Vũ Bích Thanh	Phụ trách kế toán	Miễn nhiệm ngày 15/10/2025

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hoàng Đức Việt	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 04/07/2025
Bà Trần Thị Thu Thủy	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 04/07/2025
Bà Lê Thị Nhi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/07/2025
Ông Phạm Gia Huân	Thành viên	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đình Hoàng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

Số: 346/2026/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21/04/2026 trình bày từ trang 06 đến trang 23 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán viên cho Công ty sau ngày 31/12/2025 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến việc kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025. Các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá tính hiện hữu của khoản mục hàng tồn kho với giá gốc tại 31/12/2025 và 01/01/2025 lần lượt là 6.314.390.028 đồng và 6.004.141.381 đồng, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan (nếu có) trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này theo báo cáo số 514/2025/BCKT-AAC ngày 27/3/2025.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

Hoàng Thị Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
4079-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.616.608.697	19.723.567.738
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	55.065.489.942	4.771.133.329
Tiền	111		53.447.207.792	1.291.133.329
Các khoản tương đương tiền	112		1.618.282.150	3.480.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.410.000.000	6.568.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.410.000.000	6.568.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.345.972.399	3.435.711.460
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.193.954.496	3.295.457.449
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	278.341.000	160.500.000
Các khoản phải thu khác	136	8	175.772.014	168.487.857
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 10	(302.095.111)	(188.733.846)
Hàng tồn kho	140	9	4.787.800.886	4.935.955.283
Hàng tồn kho	141		6.314.390.028	6.004.141.381
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.526.589.142)	(1.068.186.098)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.345.470	12.767.666
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	7.345.470	12.767.666
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		259.831.436	513.661.162
Tài sản cố định	220		251.996.336	453.593.402
Tài sản cố định hữu hình	221	11	251.996.336	453.593.402
- Nguyên giá	222		1.209.582.400	1.209.582.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(957.586.064)	(755.988.998)
Tài sản dài hạn khác	260		7.835.100	60.067.760
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	7.835.100	60.067.760
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		67.876.440.133	20.237.228.900

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.274.823.985	7.166.964.104
Nợ ngắn hạn	310		3.274.823.985	7.166.964.104
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	2.207.349.190	6.453.797.216
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		518.609.121	469.081.369
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	14.757.970	82.182.726
Phải trả người lao động	314		355.308.111	144.844.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		158.445.000	17.034.730
Phải trả ngắn hạn khác	319		20.330.530	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.063	24.063
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.601.616.148	13.070.264.796
Vốn chủ sở hữu	410	14	64.601.616.148	13.070.264.796
Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	10.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.170.000.000	1.890.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		962.203.411	962.203.411
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(530.587.263)	218.061.385
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		218.061.385	16.576.543
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(748.648.648)	201.484.842
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		67.876.440.133	20.237.228.900

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026



Trần Đình Hoàng

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Hiền

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	9.153.513.279	24.741.368.045
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.153.513.279	24.741.368.045
Giá vốn hàng bán	11	17	5.711.934.684	20.396.141.898
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.441.578.595	4.345.226.147
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	404.643.015	277.086.121
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	19	1.462.734.404	1.258.155.505
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	3.028.347.574	3.169.070.672
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(644.860.368)	195.086.091
Thu nhập khác	31		845.160	10.000.000
Chi phí khác	32		104.633.440	3.601.249
Lợi nhuận khác	40		(103.788.280)	6.398.751
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(748.648.648)	201.484.842
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(748.648.648)	201.484.842
Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	20	(637)	201

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026



Trần Đình Hoàng

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Hiền

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01		11.405.061.115	23.249.111.896
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(10.770.251.759)	(16.264.872.898)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.081.648.797)	(2.044.718.920)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.945.160	1.273.359.693
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.101.000.815)	(623.766.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.539.895.096)	5.589.113.541
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.942.435.700)	(8.068.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.103.717.850	5.547.445.023
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		392.969.559	249.338.828
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		554.251.709	(2.261.216.149)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		52.280.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.280.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		50.294.356.613	3.327.897.392
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.771.133.329	1.443.235.937
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	55.065.489.942	4.771.133.329

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026



Trần Đình Hoàng

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Hiền

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101517669 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/07/2004, đăng ký thay đổi gần nhất lần 08 ngày 23/12/2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 187B Phố Giảng Võ, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng, tương đương 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HNX với mã cổ phiếu là HEV từ 11/12/2007.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Đình Hoàng.

Số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2025 là 15 người (tại ngày 01/01/2025 là 13 người).

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2025 bao gồm:

- In ấn,
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp hàng tồn kho lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao****(năm)**

Phương tiện vận tải

06

3.8 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.11 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3.11 THUẾ (TIẾP)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	53.853.990	51.975.578
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.393.353.802	1.239.157.751
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	1.618.282.150	3.480.000.000
	55.065.489.942	4.771.133.329

(*) Tại 31/12/2025: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 3,3% - 4,45%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	7.345.470	12.767.666
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.345.470	12.767.666
Dài hạn	7.835.100	60.067.760
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.835.100	23.505.300
- Chi phí khác	-	36.562.460
	15.180.570	72.835.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

31/12/2025		01/01/2025	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
6.410.000.000	-	6.568.000.000	-
6.410.000.000	-	6.568.000.000	-
6.410.000.000	-	6.568.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Ngắn hạn
- + Tiền gửi có kỳ hạn (*)

(*) Tại 31/12/2025: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 5,1% - 5,5%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

31/12/2025		01/01/2025	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
1.193.954.496	(189.745.111)	3.295.457.449	(188.733.846)
-	-	1.671.848.813	-
-	-	651.246.000	-
206.332.050	-	269.368.200	-
238.388.504	-	-	-
132.400.000	-	-	-
616.833.942	(189.745.111)	702.994.436	(188.733.846)
1.193.954.496	(189.745.111)	3.295.457.449	(188.733.846)
14.411.389	-	10.673.389	-

Ngắn hạn

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Hồ
- Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Gia Lai
- Công ty cổ phần công nghệ giáo dục AES
- Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp Hà Nội
- Các đối tượng khác

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết xem tại thuyết minh số 22)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	175.772.014	-	168.487.857	-
- Ký cược, ký quỹ	22.176.000	-	26.283.149	-
- Lãi dự thu	140.453.773	-	132.062.467	-
- Tạm ứng	13.142.241	-	10.142.241	-
	175.772.014	-	168.487.857	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	411.893	-	3.482.368	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	218.562.215	-	42.869.278	-
- Thành phẩm	5.725.124.649	(1.259.639.786)	5.585.988.864	(1.053.739.297)
- Hàng hóa	370.291.271	(266.949.356)	371.800.871	(14.446.801)
	6.314.390.028	(1.526.589.142)	6.004.141.381	(1.068.186.098)

10. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/1/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	278.341.000	(112.350.000)	160.500.000	-
- Công ty TNHH In Nhật Hàn	160.500.000	(112.350.000)	160.500.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	117.841.000	-	-	-
	278.341.000	(112.350.000)	160.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	1.209.582.400	1.209.582.400
31/12/2025	1.209.582.400	1.209.582.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2025	755.988.998	755.988.998
- Khấu hao trong năm	201.597.066	201.597.066
31/12/2025	957.586.064	957.586.064
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	453.593.402	453.593.402
31/12/2025	251.996.336	251.996.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	2.207.349.190	2.207.349.190	6.453.797.216	6.453.797.216
- Công ty Cổ phần Thương mại In Nhật Nam	-	-	4.804.789.752	4.804.789.752
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Hà Nội	337.549.000	337.549.000	278.329.000	278.329.000
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Dân trí	144.700.000	144.700.000	-	-
- Công ty Cổ phần In Phúc Yên	313.398.520	313.398.520	668.487.306	668.487.306
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	132.436.500	132.436.500	-	-
- Các đối tượng khác	1.279.265.170	1.279.265.170	702.191.158	702.191.158
	2.207.349.190	2.207.349.190	6.453.797.216	6.453.797.216
	29.920.682	29.920.682	43.605.546	43.605.546

Phải trả người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 22)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số đã nộp trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số phải nộp trong năm	Giá trị	Số đã nộp trong năm	Giá trị	Số đã nộp trong năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải nộp						
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	63.293.948	85.241.785	148.535.733		-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	18.888.778	61.116.826	65.247.634		14.757.970	14.757.970
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.061.200	5.061.200		-	-
	82.182.726	151.419.811	218.844.567		14.757.970	14.757.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	16.576.543	12.868.779.954
- Lãi trong năm	-	-	-	201.484.842	201.484.842
31/12/2024	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	218.061.385	13.070.264.796
01/01/2025	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	218.061.385	13.070.264.796
- Tăng vốn trong năm (*)	40.000.000.000	12.280.000.000	-	-	52.280.000.000
- Lỗ trong năm	-	-	-	(748.648.648)	(748.648.648)
31/12/2025	50.000.000.000	14.170.000.000	962.203.411	(530.587.263)	64.601.616.148

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 28/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/07/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

14.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	40.000.000.000	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	10.000.000.000

14.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	1.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	1.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	1.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Nợ khó đòi đã xử lý	691.652.929	691.652.929
	691.652.929	691.652.929

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa	8.321.957.236	8.307.075.089
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	349.415.751	-
- Doanh thu khác	482.140.292	16.434.292.956
	9.153.513.279	24.741.368.045
Doanh thu với các bên liên quan	71.792.675	582.635.367
<i>(Chi tiết xem tại thuyết minh số 22)</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn hàng bán	5.002.338.591	4.727.452.783
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	60.008.160	-
- Giá vốn hoạt động khác	191.184.889	15.826.513.491
- (Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	458.403.044	(157.824.376)
	5.711.934.684	20.396.141.898

18. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	404.643.015	277.086.121
	404.643.015	277.086.121

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.028.347.574	3.169.070.672
- Chi phí nhân công	1.196.007.357	1.795.651.810
- Chi phí khấu hao TSCĐ	201.597.066	201.597.066
- Chi phí thuê nhà	247.090.667	263.920.703
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	113.361.265	-
- Chi phí quản lý khác	1.270.291.219	907.901.093
Các khoản chi phí bán hàng	1.462.734.404	1.258.155.505
- Chi phí nhân công	733.196.000	768.473.150
- Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng tiêu thụ	131.368.991	101.743.075
- Chi phí thuê kho, cửa hàng	241.920.000	254.016.000
- Chi phí bằng tiền khác	356.249.413	133.923.280
	4.491.081.978	4.427.226.177

20. LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(748.648.648)	201.484.842
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(748.648.648)	201.484.842
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (CP)	1.175.342	1.000.000
Tổng số cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh (CP)	1.175.342	1.000.000
Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(637)	201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	2.372.604	325.675.391
- Chi phí nhân công	1.929.203.357	2.564.124.960
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	201.597.066	201.567.066
- Chi phí trích lập dự phòng	571.764.309	(157.824.376)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.498.079.326	21.438.240.098
	10.203.016.662	24.371.783.139

22. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan trong năm 2025 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
2	Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Công ty Đầu tư
3	Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc Công ty Đầu tư
4	Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty Đầu tư

Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

		Năm 2025	Năm 2024
	Chức vụ	VND	VND
Hội đồng quản trị		228.000.000	228.000.000
- Ông Đặng Trần Bảo Tín	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/4/2025) Thành viên (Đến ngày 25/04/2025)	54.000.000	42.000.000
- Ông Nguyễn Công Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)	20.000.000	60.000.000
- Bà Nguyễn Bích Ngọc	Thành viên	42.000.000	42.000.000
- Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Thành viên	42.000.000	42.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hữu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)	14.000.000	42.000.000
- Ông Phạm Quỳnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)	28.000.000	-
- Bà Đoàn Linh Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)	28.000.000	-
Ban Giám đốc		269.229.200	228.720.000
- Ông Trần Đình Hoàng	Giám đốc	269.229.200	228.720.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm ngày 15/10/2025)	93.023.419	-
Ban Kiểm soát		102.000.000	102.000.000
- Ông Nguyễn Hoàng Đức Việt	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 04/07/2025) Thành viên (Đến ngày 04/07/2025)	36.000.000	20.000.000
- Bà Trần Thị Thu Thủy	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 04/07/2025)	21.000.000	42.000.000
- Bà Lê Thị Nhi	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/07/2025)	15.000.000	-
- Ông Phạm Gia Huân	Thành viên	30.000.000	30.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu với các bên liên quan	71.792.675	582.635.367
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	71.792.675	234.005.367
- Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	-	162.925.000
- Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	-	185.705.000
Mua hàng từ các bên liên quan	14.944.984.475	401.140.051
- Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hà Nội	399.284.475	401.140.051
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.500.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	14.411.389	10.673.389
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	14.411.389	10.673.389
Phải trả người bán	29.920.682	43.605.546
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.318.182	9.818.182
- Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hà Nội	18.602.500	33.787.364

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026



Giám đốc

Trần Đình Hoàng

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Hiền

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền